

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K6 NĂM 2016

Tháng 2 năm 2016

TT	Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	8	583	589	6	12.870	77.220	
2	102	5	697	701	4	12.870	51.480	
3	103	8	1.025	1.029	4	12.870	51.480	
4	104	5	612	615	3	12.870	38.610	
5	105	7	1.020	1.026	6	12.870	77.220	
6	106	8	1.025	1.028	3	12.870	38.610	
7	107	PSHC				12.870	0	
8	108					12.870	0	
9	109	8	1.044	1.049	5	12.870	64.350	
10	110	8	800	803	3	12.870	38.610	
11	111	7	897	903	6	12.870	77.220	
12	112	5	990	993	3	12.870	38.610	
13	113	8	963	967	4	12.870	51.480	
14	114	8	984	989	5	12.870	64.350	
15	201	8	1.331	1.335	4	12.870	51.480	
16	202	2 Lào	989	992	3	12.870	38.610	
17	203	4 Lào	1.259	1.263	4	12.870	51.480	
18	204	7	826	830	4	12.870	51.480	
19	205	7	1.065	1.069	4	12.870	51.480	
20	206	6	1.057	1.059	2	12.870	25.740	
21	207	7	1.092	1.098	6	12.870	77.220	
22	208	1 CPC	817	820	3	12.870	38.610	
23	209	8	1.078	1.082	4	12.870	51.480	
24	210	4 CPC	1.592	1.598	6	12.870	77.220	
25	211	8	1.283	1.287	4	12.870	51.480	
26	212	2 CPC	921	923	2	12.870	25.740	
27	213	6	1.215	1.219	4	12.870	51.480	
28	214	8	724	728	4	12.870	51.480	
29	301	3 Lào	804	809	5	12.870	64.350	
30	302	8	1.048	1.050	2	12.870	25.740	
31	303	6	962	967	5	12.870	64.350	
32	304	4	1.038	1.042	4	12.870	51.480	
33	305	8	793	799	6	12.870	77.220	
34	306	7	891	893	2	12.870	25.740	
35	307	PSHC				12.870	0	
36	308					12.870	0	

37	309	8		909	913	4	12.870	51.480
38	310	7		935	938	3	12.870	38.610
39	311	8		1.124	1.129	5	12.870	64.350
40	312	2		884	889	5	12.870	64.350
41	313	6		817	820	3	12.870	38.610
42	314	7		1.064	1.067	3	12.870	38.610
43	401	8		730	737	7	12.870	90.090
44	402	7		894	898	4	12.870	51.480
45	403	7		875	876	1	12.870	12.870
46	404	7		677	681	4	12.870	51.480
47	405	8		682	687	5	12.870	64.350
48	406	8		772	776	4	12.870	51.480
49	407	8		769	772	3	12.870	38.610
50	408	8		740	745	5	12.870	64.350
51	409	3	Lào	931	937	6	12.870	77.220
52	410	8		814	819	5	12.870	64.350
53	411	8		68	72	4	12.870	51.480
54	412	8		863	867	4	12.870	51.480
55	413	7		650	658	8	12.870	102.960
56	414	8		705	709	4	12.870	51.480
57	501	7		524	528	4	12.870	51.480
58	502	6		407	409	2	12.870	25.740
59	503	8		462	468	6	12.870	77.220
60	504	8		555	559	4	12.870	51.480
61	505	6		633	638	5	12.870	64.350
62	506	8		613	618	5	12.870	64.350
63	507	0		540	548	8	12.870	102.960
64	508	6		673	678	5	12.870	64.350
65	509	0		544	546	2	12.870	25.740
66	510	8		482	485	3	12.870	38.610
67	511	7		492	498	6	12.870	77.220
68	512	2		504	506	2	12.870	25.740
69	513	8		764	768	4	12.870	51.480
70	514	6		702	705	3	12.870	38.610
	Cộng	420				276		3.552.120

(Bảng chữ: Ba triệu năm trăm năm mươi hai nghìn một trăm hai mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà